

Số: 23 /2022/QĐ-UBND

Cà Mau, ngày 07 tháng 9 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng  
viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ chính thức  
của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam  
trên địa bàn tỉnh Cà Mau**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm  
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm  
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2020 của  
Chính phủ quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát  
triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số  
31/TTr-SKHĐT ngày 03 tháng 8 năm 2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2022 và thay thế Quyết định số 17/2015/QĐ-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành Quy chế vận động, tiếp nhận, quản lý và sử dụng nguồn viện trợ phi chính phủ nước ngoài trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các

huyện, thành phố Cà Mau và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Ngoại giao;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Phòng Ngoại vụ (G);
- Lưu: VT. Lai(412).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Huỳnh Quốc Việt**



## QUY CHẾ

**Quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại  
không thuộc hỗ trợ chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài  
dành cho Việt Nam trên địa bàn tỉnh Cà Mau**

(Kèm theo Quyết định số: 23 /2022/QĐ-UBND ngày 07 tháng 9 năm 2022  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

## Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định về quản lý, sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho tỉnh Cà Mau nhằm mục đích phát triển kinh tế - xã hội, hỗ trợ nhân đạo, không vì mục đích lợi nhuận, thương mại.

2. Quy chế này không áp dụng đối với các trường hợp:

a) Các khoản viện trợ không hoàn lại của các cơ quan, tổ chức nước ngoài mà việc tiếp nhận phải được ký kết chính thức theo quy định của Luật Điều ước quốc tế và các khoản viện trợ không hoàn lại trong các thỏa thuận về vốn ODA phải được ký kết nhân danh Nhà nước hoặc Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

b) Các khoản quà biếu, quà tặng cho cơ quan, tổ chức không vì mục đích hỗ trợ nhân đạo từ thiện.

c) Các khoản tài trợ theo các hình thức thỏa thuận hợp tác, hợp đồng dịch vụ, hợp đồng chuyển giao công nghệ có phát sinh lợi nhuận để phân chia.

d) Các cá nhân tiếp nhận tài trợ cho hoạt động nghiên cứu khoa học thực hiện theo Luật Khoa học và công nghệ số 29/2013/QH13.

đ) Viện trợ quốc tế khẩn cấp của Chính phủ, tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ nước ngoài, cá nhân nước ngoài để cứu trợ được phê duyệt và thực hiện trong thời gian 03 tháng kể từ khi xảy ra thiên tai và viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai được phê duyệt và thực hiện trong thời gian 09 tháng kể từ khi thiên tai xảy ra.

3. Những nội dung không quy định trong Quy chế này thì thực hiện theo Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam (sau đây viết tắt là Nghị định số 80/2020/NĐ-CP) và các văn bản có liên quan.



## **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Đối tượng áp dụng trong Quy chế này bao gồm:

1. Bên cung cấp viện trợ:
  - a) Các tổ chức phi chính phủ nước ngoài, tổ chức phi lợi nhuận, các quỹ xã hội, quỹ tư nhân được thành lập theo luật pháp nước ngoài.
  - b) Các cá nhân nước ngoài, bao gồm cả người Việt Nam định cư ở nước ngoài.
  - c) Các doanh nghiệp, công ty được thành lập theo luật pháp nước ngoài, không bao gồm các tổ chức kinh tế có vốn nước ngoài hoạt động tại Việt Nam theo quy định của Luật Đầu tư.
  - d) Các tổ chức nghiên cứu và đào tạo được thành lập theo luật pháp nước ngoài (bao gồm cả các viện nghiên cứu, tổ chức hợp tác thuộc chính phủ nước ngoài).
  - đ) Các bộ, cơ quan, tổ chức thuộc chính phủ nước ngoài, cơ quan đại diện ngoại giao của các nước tại Việt Nam trực tiếp cung cấp khoản viện trợ, hoặc ủy quyền cho các tổ chức pháp nhân nước ngoài quản lý các khoản viện trợ mà việc tiếp nhận và thực hiện khoản viện trợ không yêu cầu phải ký kết chính thức theo quy định của Luật Điều ước quốc tế hoặc không yêu cầu bên Việt Nam ký kết nhân danh Nhà nước hoặc Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

### 2. Bên tiếp nhận viện trợ:

- a) Các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập được ngân sách nhà nước đảm bảo toàn bộ hoặc một phần kinh phí hoạt động trên địa bàn tỉnh Cà Mau.
- b) Các tổ chức chính trị - xã hội, chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ và quỹ xã hội, quỹ từ thiện trên địa bàn tỉnh Cà Mau được thành lập hợp pháp theo các quy định của pháp luật Việt Nam.
- c) Doanh nghiệp xã hội thành lập và hoạt động trên địa bàn tỉnh Cà Mau tiếp nhận viện trợ để thực hiện các mục tiêu giải quyết các vấn đề xã hội, môi trường.
- d) Các đối tượng khác theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

## **Điều 3. Mục tiêu của việc quản lý, sử dụng viện trợ**

1. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong việc quản lý, sử dụng viện trợ theo các quy định hiện hành, thực hiện đúng cam kết với Bên cung cấp viện trợ.
2. Giám sát, đánh giá nhằm phát hiện và xử lý kịp thời khó khăn, vướng mắc, vi phạm trong quá trình quản lý, sử dụng viện trợ; đảm bảo chất lượng, hiệu quả và tiến độ thực hiện các chương trình, dự án viện trợ phù hợp với các quy định của pháp luật.

## **Điều 4. Nguyên tắc quản lý, sử dụng viện trợ**

1. Công tác quản lý, sử dụng viện trợ cần đảm bảo sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy; sự quản lý, điều hành thống nhất của Ủy ban nhân dân tỉnh; đảm



bảo sự phối hợp chặt chẽ và phát huy tính chủ động của các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện (địa phương có chương trình, dự án, phi dự án), các tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Việc quản lý và sử dụng viện trợ phải tuân thủ quy định tại Điều 4 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

3. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Công an tỉnh, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan đến việc tiếp nhận, quản lý, sử dụng viện trợ trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn, hỗ trợ, tuyên truyền; tăng cường trao đổi, cung cấp thông tin, tình hình hoạt động nhằm tạo điều kiện thuận lợi, cũng như tăng cường công tác quản lý đối với các tổ chức, cá nhân cung cấp viện trợ trên địa bàn tỉnh. Phối hợp thanh tra, kiểm tra, giám sát tình hình quản lý và sử dụng viện trợ trên địa bàn tỉnh và việc thực hiện quy định tại Thông tư số 23/2022/TT-BTC ngày 06 tháng 4 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý tài chính Nhà nước đối với nguồn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước.

#### **Điều 5. Hành vi bị cấm trong sử dụng viện trợ**

Các hành vi bị cấm trong sử dụng viện trợ được áp dụng theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

#### **Điều 6. Phương thức và lĩnh vực ưu tiên kêu gọi viện trợ**

1. Các phương thức viện trợ bao gồm: chương trình, dự án, phi dự án.
2. Lĩnh vực ưu tiên kêu gọi viện trợ:

a) Lĩnh vực ưu tiên kêu gọi viện trợ phù hợp với định hướng ưu tiên kêu gọi viện trợ quy định tại Chương trình quốc gia về tăng cường hợp tác và vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài giai đoạn 2019 - 2025 (Quyết định số 1225/QĐ-TTg ngày 17/9/2019 của Thủ tướng Chính phủ), gồm các lĩnh vực: Giáo dục và đào tạo; y tế; đào tạo, giáo dục nghề nghiệp; nông, lâm, ngư nghiệp và phát triển nông thôn; giải quyết các vấn đề xã hội; môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống, giảm nhẹ thiên tai và cứu trợ khẩn cấp; văn hóa, thể thao và du lịch.

b) Lĩnh vực ưu tiên kêu gọi viện trợ đảm bảo phù hợp nhu cầu, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh theo giai đoạn.

## **Chương II THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT CÁC KHOẢN VIỆN TRỢ**

#### **Điều 7. Thẩm quyền phê duyệt các khoản viện trợ**

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền quy định tại Khoản 2 Điều 7 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.



### **Điều 8. Hồ sơ khoản viện trợ**

Hồ sơ khoản viện trợ được lập thành 06 bộ, các tài liệu bằng tiếng nước ngoài phải có bản dịch tiếng Việt đã được công chứng kèm theo, thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 4, khoản 5 Điều 8 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

### **Điều 9. Thẩm định, phê duyệt viện trợ; thông báo kết quả phê duyệt viện trợ**

Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan chủ trì thẩm định các khoản viện trợ, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt theo quy định. Trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt văn kiện, chương trình, dự án, khoản viện trợ phi dự án thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đối với các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày ban hành quyết định phê duyệt khoản viện trợ, Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo cho Bên cung cấp viện trợ về quyết định phê duyệt khoản viện trợ, đồng thời gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Công an tỉnh, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh và các cơ quan có liên quan để giám sát và phối hợp thực hiện.

## **Chương III QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VIỆN TRỢ**

### **Điều 10. Tổ chức quản lý chương trình, dự án**

Căn cứ quy mô, tính chất, điều kiện cụ thể thực hiện chương trình, dự án, năng lực tổ chức quản lý chương trình, dự án, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định áp dụng một trong các hình thức tổ chức quản lý chương trình, dự án quy định tại Điều 12 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP, như sau: sử dụng bộ máy chuyên môn trực thuộc; sử dụng ban quản lý đang hoạt động để quản lý chương trình, dự án mới hoặc thành lập ban quản lý riêng cho từng chương trình, dự án.

### **Điều 11. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân tỉnh**

1. Vận động viện trợ trên cơ sở nhu cầu, định hướng phát triển kinh tế - xã hội và năng lực tiếp nhận viện trợ của tỉnh.
2. Phê duyệt các khoản viện trợ theo thẩm quyền.
3. Quyết định tổ chức bộ máy quản lý thực hiện chương trình, dự án.
4. Phê duyệt kế hoạch thực hiện chương trình, dự án; lập kế hoạch tài chính, dự toán thu chi ngân sách nhà nước hằng năm trên cơ sở đề xuất của Chủ khoản viện trợ, phù hợp quy định của pháp luật có liên quan.
5. Chỉ đạo công tác đấu thầu theo quy định của pháp luật hiện hành. Trường hợp các khoản viện trợ không thuộc nguồn thu ngân sách, việc thực hiện công tác đấu thầu theo thỏa thuận với Bên cung cấp viện trợ.



6. Chịu trách nhiệm về quản lý tài chính, báo cáo đầy đủ các nguồn vốn, tài sản tiếp nhận, sử dụng các khoản viện trợ. Phê duyệt quyết toán hằng năm và khi kết thúc dự án.

7. Chịu trách nhiệm định kỳ tổng hợp báo cáo tài chính các khoản viện trợ do Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

8. Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện dự án, việc chấp hành các quy định hiện hành về quản lý dự án.

9. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hằng năm về tình hình giải ngân, sử dụng viện trợ; báo cáo tổng hợp hằng năm về kết quả vận động viện trợ, tình hình thực hiện, giám sát, đánh giá các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền quản lý, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan chậm nhất vào ngày 15 tháng 01 của năm tiếp sau; gửi báo cáo kết thúc khoản viện trợ cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trong vòng 06 tháng sau khi kết thúc khoản viện trợ.

10. Chịu trách nhiệm về thất thoát, lãng phí, tham nhũng và các sai phạm khác trong công tác quản lý và sử dụng viện trợ thuộc thẩm quyền quản lý.

### **Điều 12. Nhiệm vụ, quyền hạn của chủ khoản viện trợ**

1. Chủ khoản viện trợ phải được xác định trong quyết định phê duyệt tiếp nhận viện trợ.

2. Chủ khoản viện trợ chịu trách nhiệm:

a) Tổ chức bộ máy quản lý và thực hiện chương trình, dự án trên cơ sở quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh. Quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn viện trợ, vốn đối ứng của chương trình, dự án. Trường hợp không thành lập Ban quản lý dự án, chủ khoản viện trợ phải mở tài khoản để tiếp nhận và giải ngân khoản viện trợ tại kho bạc nhà nước hoặc ngân hàng thương mại được thành lập và hoạt động theo pháp luật của Việt Nam. Thực hiện các hoạt động thu, chi cho khoản viện trợ qua tài khoản trên cơ sở kế hoạch tài chính đã được phê duyệt.

b) Xây dựng kế hoạch hoạt động, kế hoạch tài chính hằng năm trình cấp thẩm quyền phê duyệt; xây dựng dự toán thu chi ngân sách nhà nước hằng năm đối với các khoản viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Thực hiện công tác đấu thầu theo quy định của pháp luật hiện hành về đấu thầu.

d) Giám sát việc thực hiện các hợp đồng và xử lý vướng mắc phát sinh theo thẩm quyền.

đ) Thực hiện giám sát và đánh giá chương trình, dự án.

3. Chịu trách nhiệm hạch toán, quyết toán, báo cáo đầy đủ các nguồn vốn, tài sản tiếp nhận và sử dụng.



4. Báo cáo tình hình tiếp nhận viện trợ, tình hình thực hiện, giải ngân khoản viện trợ 06 tháng và hằng năm cho cơ quan chủ quản. Báo cáo kết thúc khoản viện trợ phải gửi cơ quan chủ quản chậm nhất không quá 06 tháng sau khi kết thúc thực hiện.

5. Chịu trách nhiệm về thất thoát, lãng phí, tham nhũng và sai phạm thuộc thẩm quyền trong công tác tổ chức quản lý thực hiện chương trình, dự án, phi dự án gây thiệt hại về kinh tế, xã hội, môi trường, ảnh hưởng đến mục tiêu và hiệu quả chung của chương trình, dự án.

6. Nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

### **Điều 13. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban quản lý dự án**

1. Đại diện cho chủ dự án, chịu trách nhiệm trước chủ dự án, cơ quan chủ quản và trước pháp luật về các quyết định của mình.

2. Ban quản lý dự án phải mở tài khoản tại hệ thống Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch hoặc ngân hàng thương mại được thành lập và hoạt động theo pháp luật của Việt Nam. Thực hiện các hoạt động thu, chi cho khoản viện trợ qua tài khoản trên cơ sở kế hoạch tài chính đã được phê duyệt.

3. Ban quản lý dự án thực hiện các nhiệm vụ trong khuôn khổ dự án, trong đó: lập kế hoạch thực hiện tổng thể và hằng năm, kế hoạch tài chính của dự án trình người đứng đầu cơ quan chủ quản phê duyệt; đàm phán, ký kết các hợp đồng; thực hiện các hoạt động đấu thầu và quản lý hợp đồng trong phạm vi được giao; quản lý tài chính, tài sản và thực hiện các thủ tục giải ngân, hạch toán, quyết toán theo quy định về quản lý tài chính của Nghị định số 80/2020/NĐ-CP và phù hợp với quy định của Bên cung cấp viện trợ.

4. Xây dựng kế hoạch chi tiết giám sát, đánh giá việc thực hiện chương trình, dự án.

5. Định kỳ 06 tháng một lần và hằng năm báo cáo tình hình thực hiện chương trình, dự án, tình hình quản lý tài chính cho chủ dự án và cơ quan chủ quản.

6. Nghiệm thu, bàn giao, quyết toán chương trình, dự án. Sau khi kết thúc chương trình, dự án, trong vòng 06 tháng, Ban quản lý dự án phải hoàn thành báo cáo kết thúc chương trình, dự án gửi Chủ dự án.

7. Các nhiệm vụ khác được giao.

### **Điều 14. Quản lý tài chính viện trợ**

1. Nguyên tắc quản lý tài chính đối với vốn viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước chỉ áp dụng đối với các khoản viện trợ do Chủ dự án tự quản lý và thực hiện.

2. Đối với khoản viện trợ do Bên cung cấp viện trợ trực tiếp quản lý, thực hiện: Cơ quan chủ quản chịu trách nhiệm quản lý văn kiện chương trình, dự án đã được phê duyệt; thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ của cơ quan chủ quản; tuân thủ các quy định về kế toán, thuế và các quy định pháp luật có liên quan. Trường hợp, Bên cung cấp viện trợ bàn giao quyền sở hữu đối với các tài sản,



trang thiết bị của chương trình, dự án cho Chủ dự án, Chủ dự án thực hiện việc xác lập sở hữu tài sản theo quy định hiện hành.

3. Viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước được dự toán, kiểm soát chi, hạch toán, ghi thu ghi chi, quyết toán theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và quản lý tài chính quy định tại Nghị định số 80/2020/NĐ-CP. Trường hợp phát sinh mới chưa tổng hợp trong dự toán được cấp có thẩm quyền phân bổ và giao kế hoạch, chủ dự án lập dự toán bổ sung theo quy định pháp luật về quản lý nhà nước và pháp luật có liên quan.

4. Đối với vốn viện trợ không thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước, Bên tiếp nhận viện trợ quản lý, sử dụng theo văn kiện chương trình, dự án, phi dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; điều lệ tổ chức và hoạt động của Bên tiếp nhận viện trợ và tuân thủ các quy định về kế toán, thuế và các quy định pháp luật có liên quan.

5. Đối với khoản viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước cho các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn thực hiện, tùy theo tính chất của khoản viện trợ được ghi tăng vốn nhà nước tại doanh nghiệp hoặc thu khác của doanh nghiệp.

Việc quản lý tài chính nhà nước đối với nguồn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại Thông tư số 23/2022/TT-BTC ngày 06 tháng 4 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý tài chính Nhà nước đối với nguồn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước.

## **Chương IV** **QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ VIỆN TRỢ**

### **Điều 15. Nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Kế hoạch và Đầu tư**

Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối quản lý nhà nước về viện trợ, có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

1. Chủ trì soạn thảo, trình ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý và sử dụng viện trợ trên địa bàn tỉnh.

2. Chủ trì thẩm định và tổng hợp ý kiến của các cơ quan liên quan trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền; hoặc báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh gửi lấy ý kiến các bộ, ngành có liên quan.

3. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo tổng hợp hằng năm về tình hình vận động, tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ; kiến nghị các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng viện trợ.

4. Kiểm tra việc tuân thủ các quy định về tiếp nhận, phê duyệt, triển khai thực hiện các khoản viện trợ đối với các cơ quan, đơn vị tiếp nhận viện trợ.

5. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến đối với các khoản viện trợ mà tỉnh thụ hưởng từ các chương trình, dự án, viện trợ phi dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ.

**Điều 16. Nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tài chính**

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng hướng dẫn về quản lý tài chính đối với viện trợ.
2. Tham gia góp ý kiến đối với các khoản viện trợ theo quy định.
3. Quản lý tài chính nhà nước đối với viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước.
4. Tổng hợp tình hình quản lý tài chính đối với các khoản viện trợ. Định kỳ hằng năm gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.
5. Kiểm tra, giám sát tình hình quản lý tài chính và tuân thủ quy định tài chính đối với các tổ chức, đơn vị tiếp nhận viện trợ.

**Điều 17. Nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh**

1. Tham gia góp ý kiến các khoản viện trợ theo quy định.
2. Tham gia giám sát việc thực hiện các khoản viện trợ của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài theo cam kết viện trợ và việc thực hiện đúng các hoạt động đã đăng ký của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
3. Cung cấp thông tin về tình hình cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung Giấy đăng ký hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài trên địa bàn tỉnh để làm cơ sở vận động và thẩm định các khoản viện trợ theo quy định.

**Điều 18. Nhiệm vụ, quyền hạn của Công an tỉnh**

1. Hướng dẫn, hỗ trợ các cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh trong quá trình tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ, đảm bảo thực hiện các quy định của pháp luật Việt Nam về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội.
2. Tham gia thẩm định và góp ý kiến, cung cấp thông tin liên quan làm cơ sở xem xét, thẩm định các khoản viện trợ trước khi trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.
3. Phối hợp thanh tra, kiểm tra, giám sát việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ, đặc biệt chú trọng vấn đề an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.
4. Tiến hành các nhiệm vụ theo thẩm quyền khi phát hiện dấu hiệu vi phạm pháp luật liên quan đến việc tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ.

**Điều 19. Nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Nội vụ**

1. Hướng dẫn, hỗ trợ các cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh chấp hành, thực hiện đường lối, chính sách tôn giáo của Nhà nước trong quá trình tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ.
2. Tổng hợp, báo cáo tình hình quản lý và sử dụng viện trợ của các tổ chức thuộc đối tượng điều chỉnh của pháp luật về hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện trên địa bàn tỉnh, báo cáo Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.
3. Phối hợp kiểm tra, giám sát tình hình tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện



trợ của các tổ chức hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước.

### **Điều 20. Nhiệm vụ, quyền hạn của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh**

Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh là cơ quan đầu mối trong quan hệ và vận động viện trợ, có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan căn cứ định hướng, kế hoạch thu hút và sử dụng nguồn vốn hỗ trợ từ bên ngoài của Nhà nước hoặc từng ngành của tỉnh trong từng thời kỳ để xây dựng chương trình, dự án vận động viện trợ theo từng giai đoạn phù hợp với định hướng, kế hoạch chung.

2. Chủ trì và phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức các hoạt động vận động viện trợ cho tỉnh theo kế hoạch.

3. Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan có liên quan hướng dẫn các bên tiếp nhận trong công tác vận động và tiếp nhận viện trợ.

4. Lập và gửi báo cáo tổng hợp 06 tháng, hằng năm về tình hình vận động và thực hiện các khoản viện trợ thuộc quyền quản lý theo quy định.

### **Điều 21. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh**

Chủ trì tổ chức tiếp nhận, phân phối sử dụng các khoản cứu trợ khẩn cấp không có địa chỉ cụ thể (Bên tài trợ không ấn định cứu trợ cho một địa phương cụ thể nào) và thông báo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện.

### **Điều 22. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau**

1. Phối hợp với Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng chương trình, dự án vận động viện trợ và bố trí vốn đối ứng cho các chương trình, dự án thuộc trách nhiệm, thẩm quyền của địa phương.

2. Tham gia thẩm định và góp ý kiến về việc tiếp nhận các khoản viện trợ thuộc địa bàn quản lý và việc bổ sung, điều chỉnh các chương trình, dự án theo quy định.

3. Hỗ trợ, tham gia giám sát các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước trong quá trình vận động, tiếp nhận, quản lý và sử dụng các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền quản lý.

## **Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 23. Triển khai thực hiện**

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì triển khai thực hiện Quy chế này. Các cơ quan, đơn vị có liên quan có trách nhiệm triển khai thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được giao; phối hợp thẩm định, trao đổi thông tin trong quá trình tiếp nhận, quản lý, sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho tỉnh Cà Mau.



2) Định kỳ ngày 31 tháng 12 hằng năm, các cơ quan, đơn vị báo cáo tình hình triển khai thực hiện nhiệm vụ, đề xuất các giải pháp tăng cường hiệu quả quản lý, sử dụng viện trợ, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 07 tháng 01 năm tiếp theo.

#### **Điều 24. Trách nhiệm thi hành**

Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời đến Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.